

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên

Ngày 30/09/2025	5,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.2%	0.5%	1.2%

DT thuần Q3/25
1,189
tỷ VNĐ
QoQ: ▼691 -36.8%
YoY: ▼444 -27.2%

LN thuần Q3/25
7.35
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.70 58.1%
YoY: ▲ 130 106%

LN sau thuế Q3/25
7.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.22 41.7%
YoY: ▲ 131 106%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
2.2%
YoY: +/-▲ 0.5%

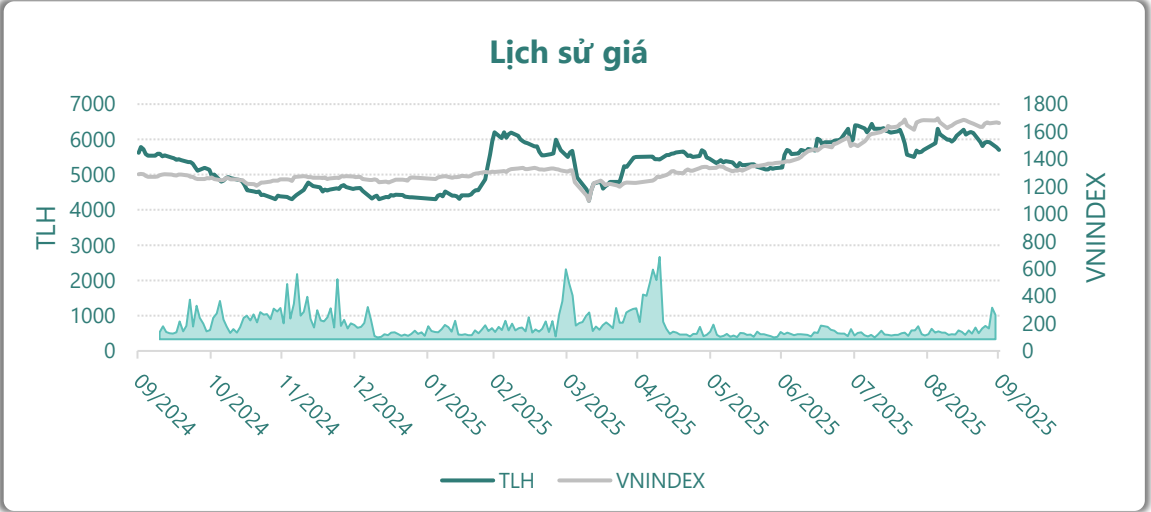
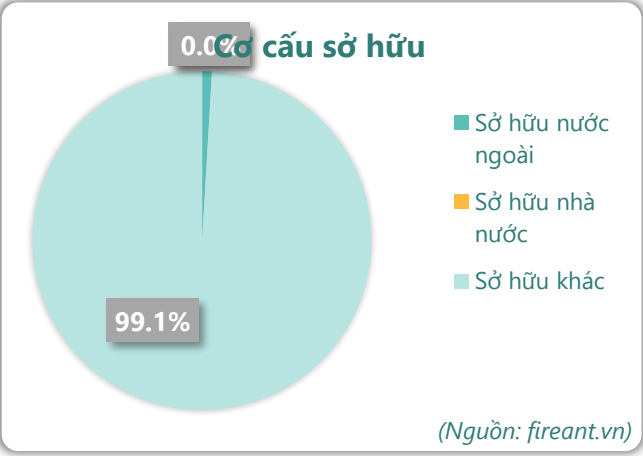
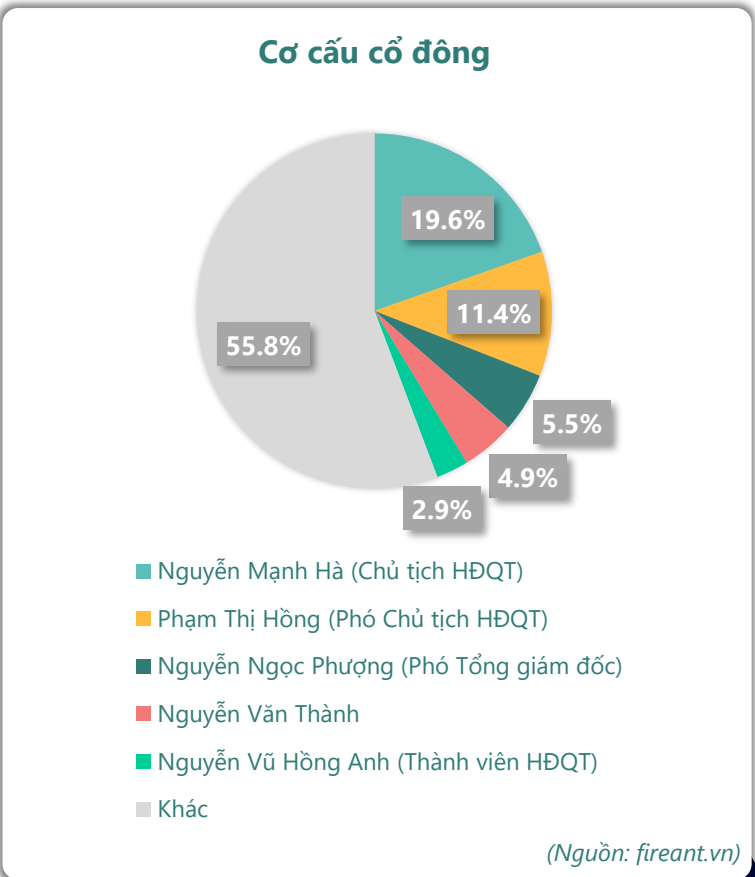
ROE (TTM) Q3/25
-21.2%
YoY: +/-▲ 7.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,260 - 6,440
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	640
Số lượng CPLH (CP)	112,320,017
KLGD BQ 20 phiên (CP)	694,320
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.99
EPS	-2,691
P/E	-2.1

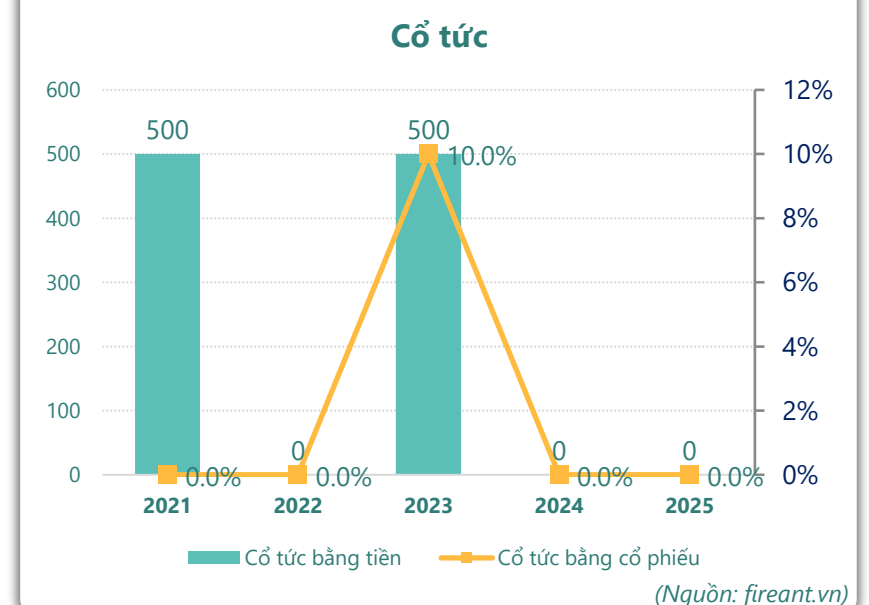
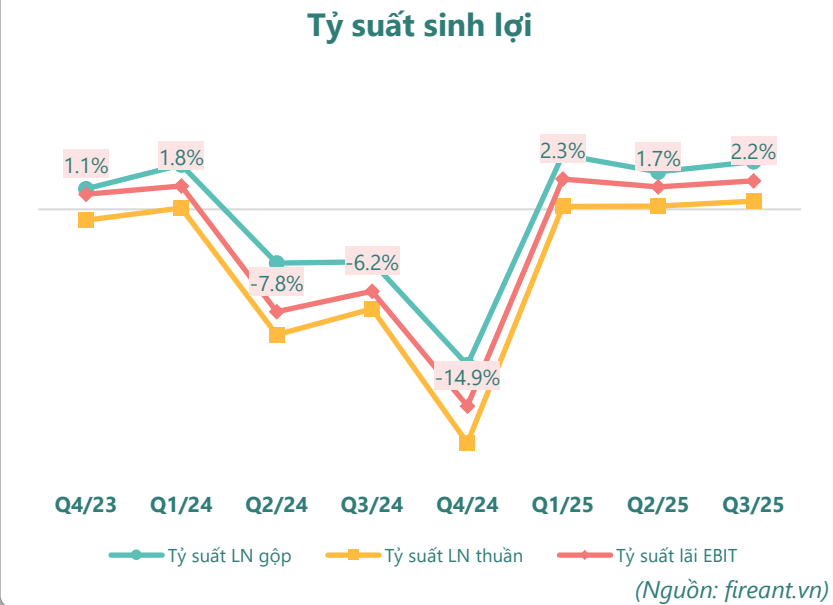
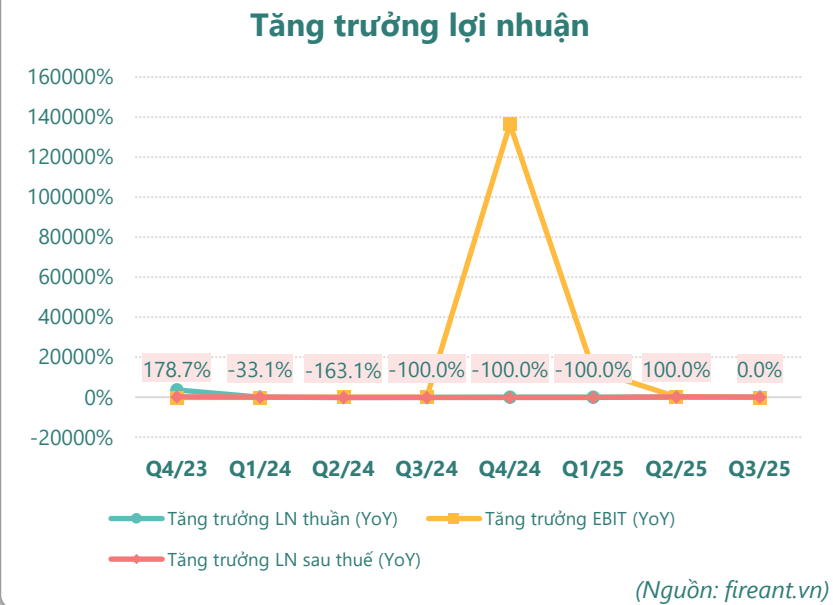
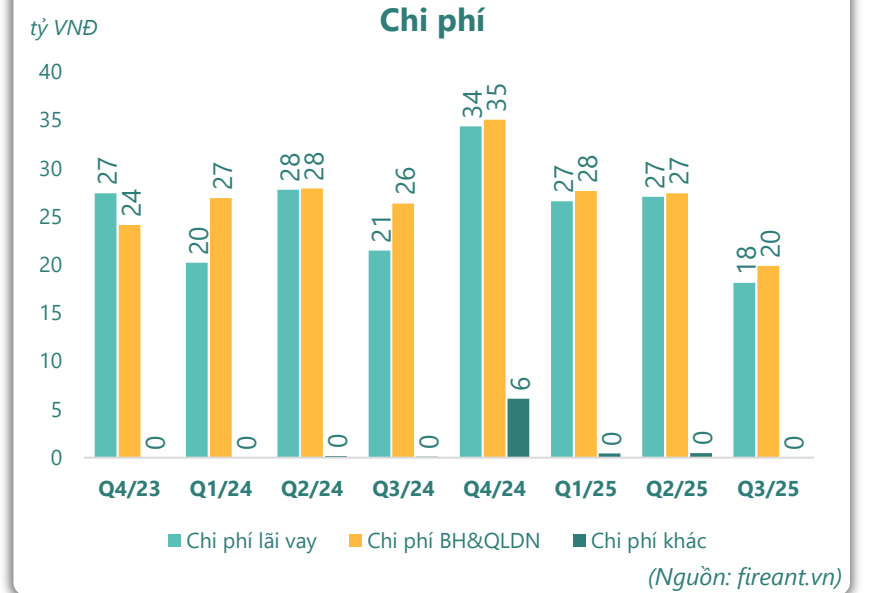
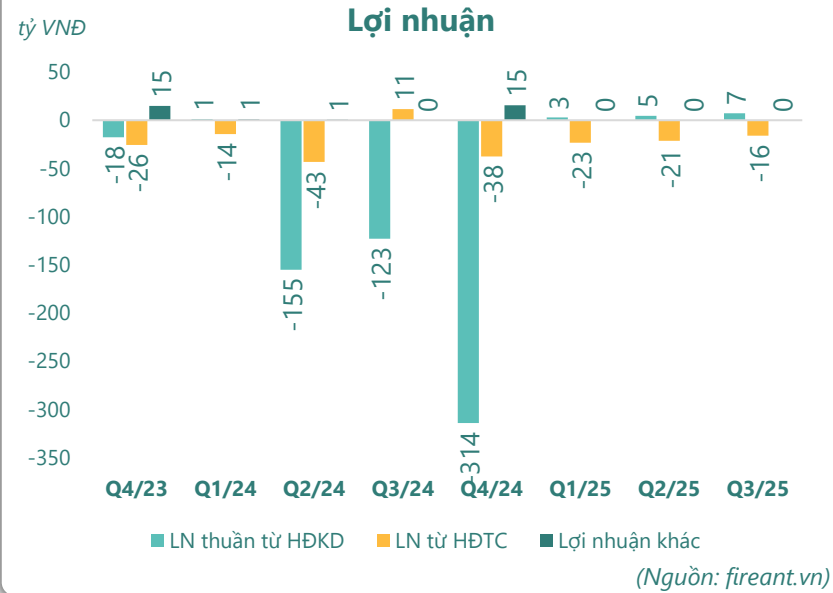
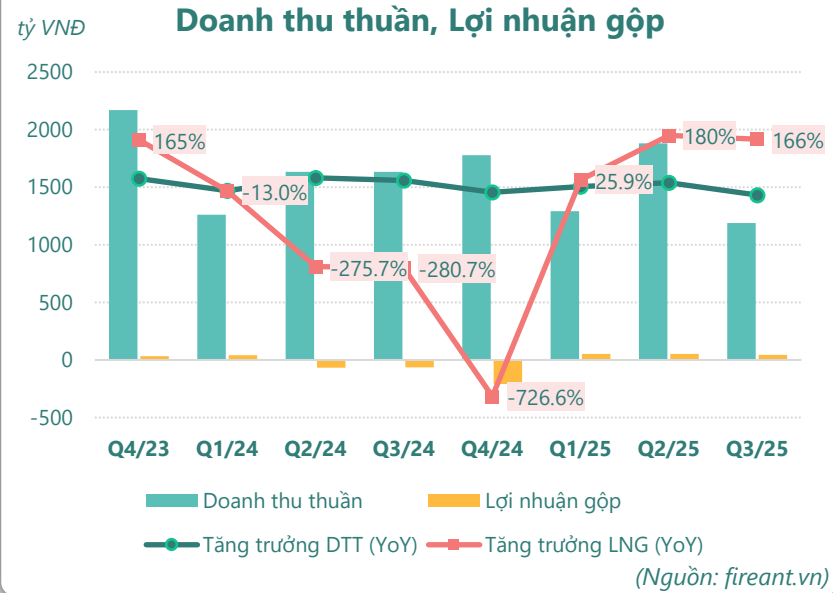
DT thuần 9T 2025
4,361
tỷ VNĐ
YoY: ▼167 -3.7%

LN thuần 9T 2025
14.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 291 105%

LN sau thuế 9T 2025
15.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 291 106%



KẾT QUẢ KINH DOANH



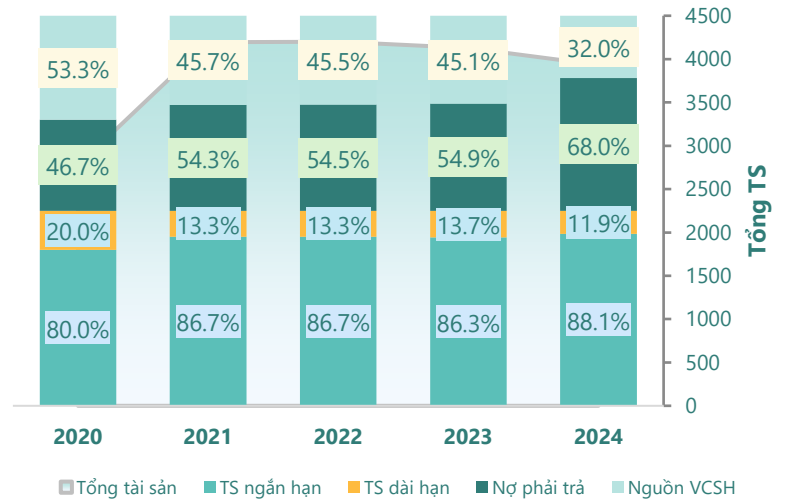


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

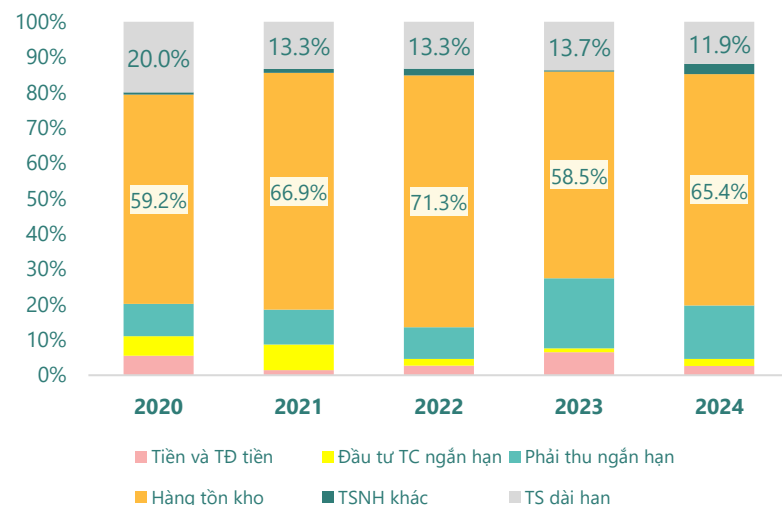
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

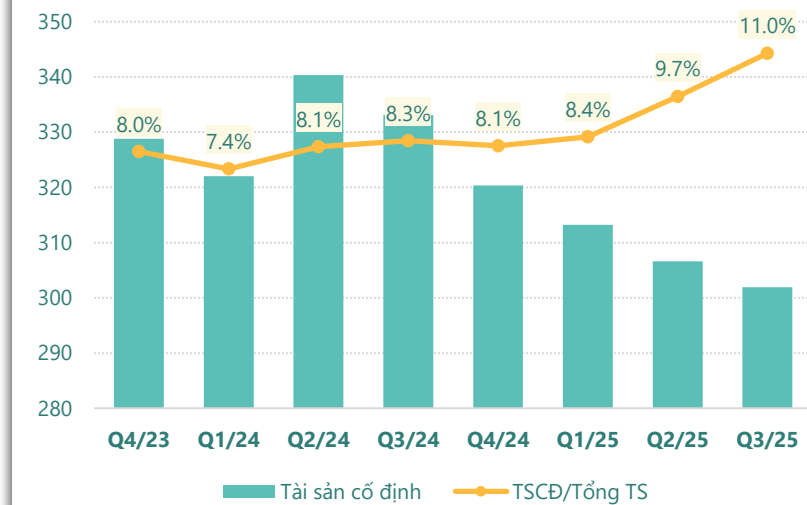
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

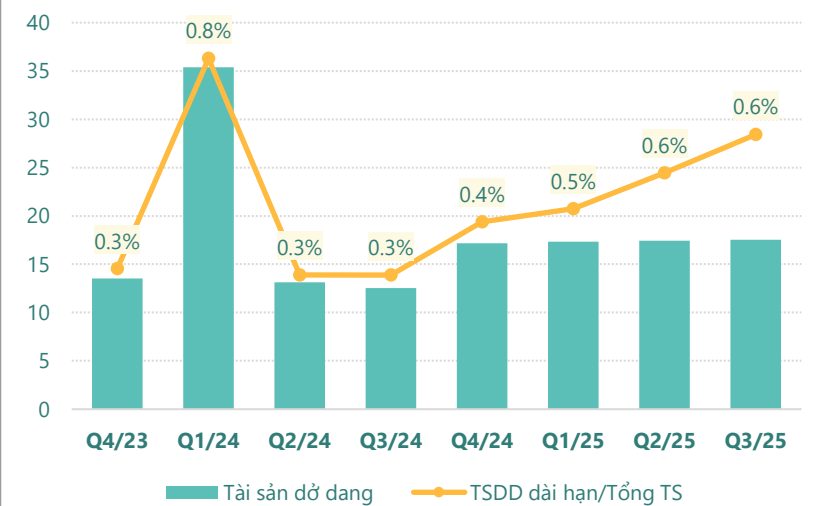
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

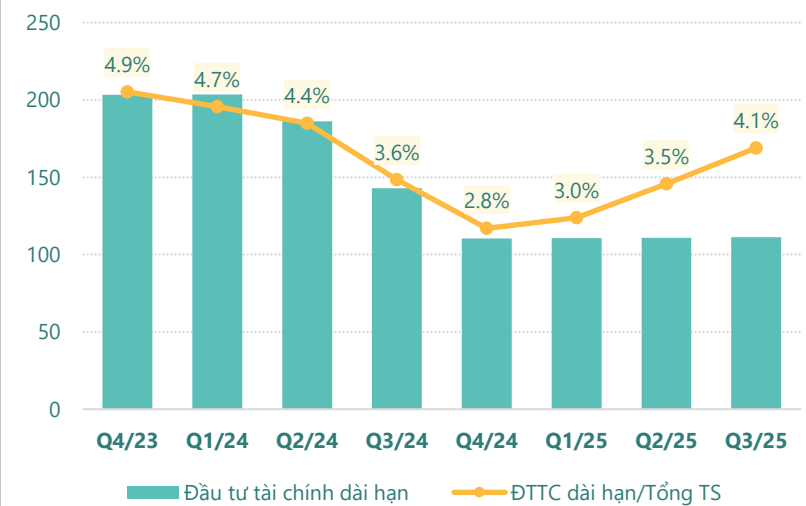
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

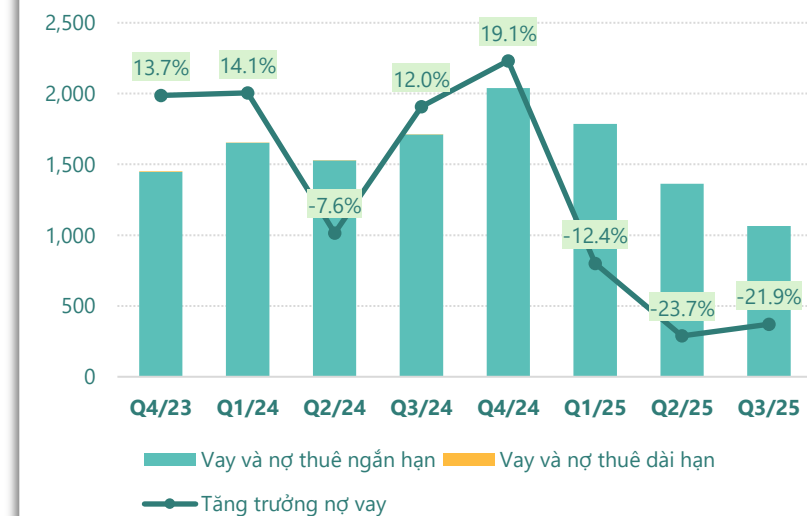
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

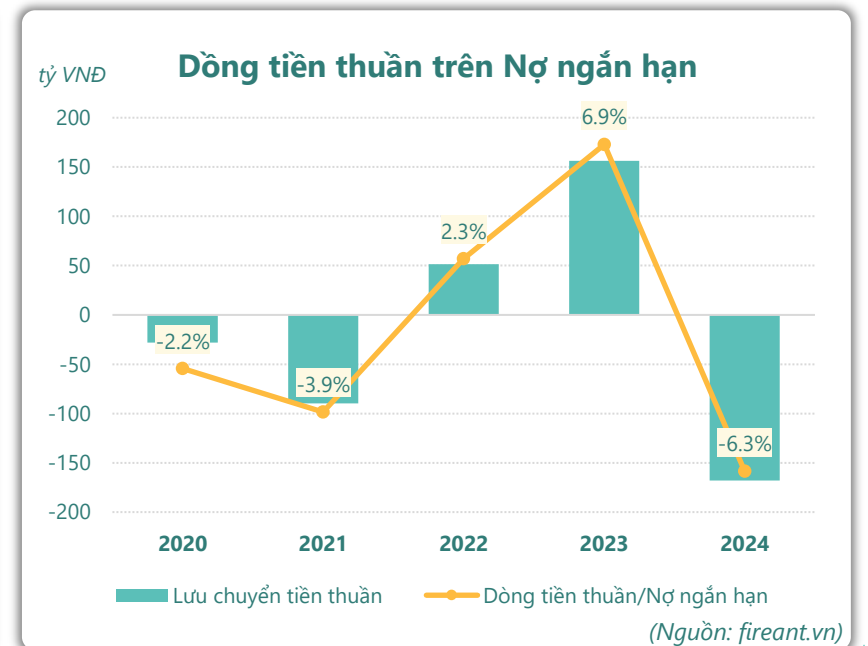
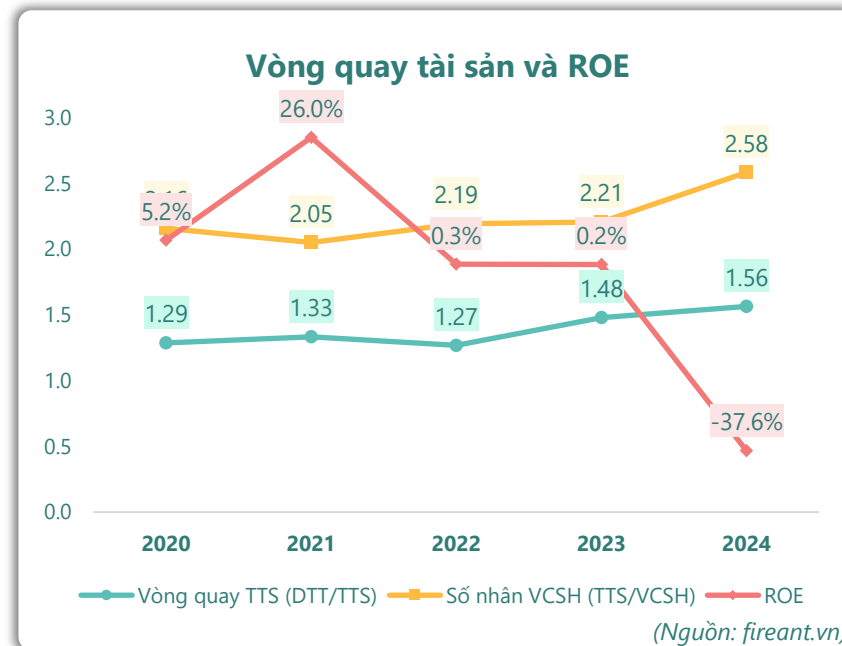
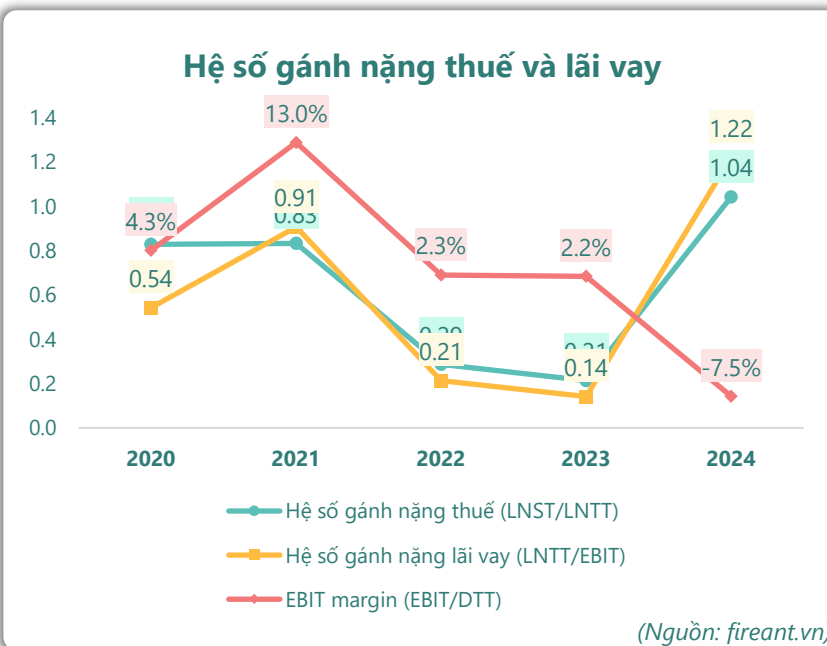
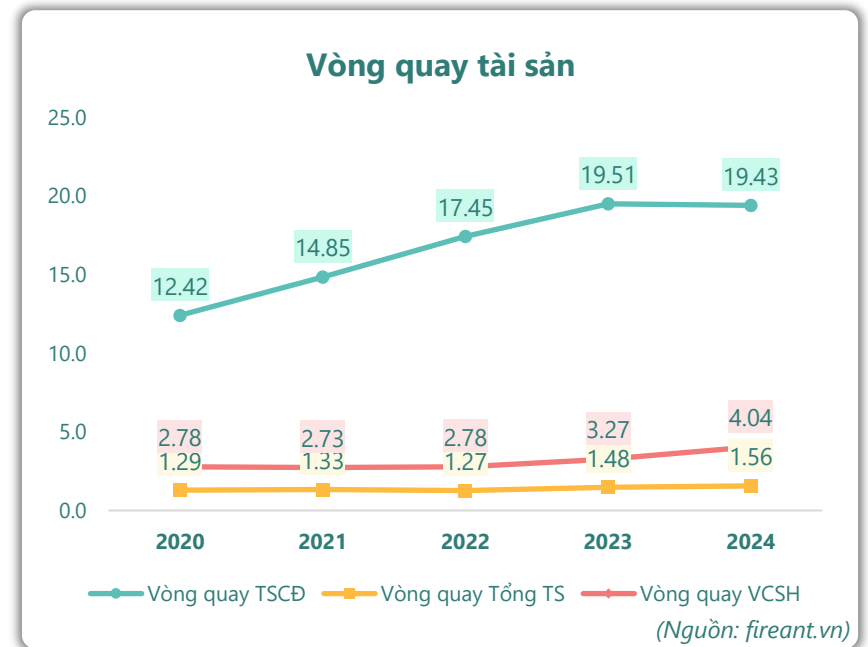
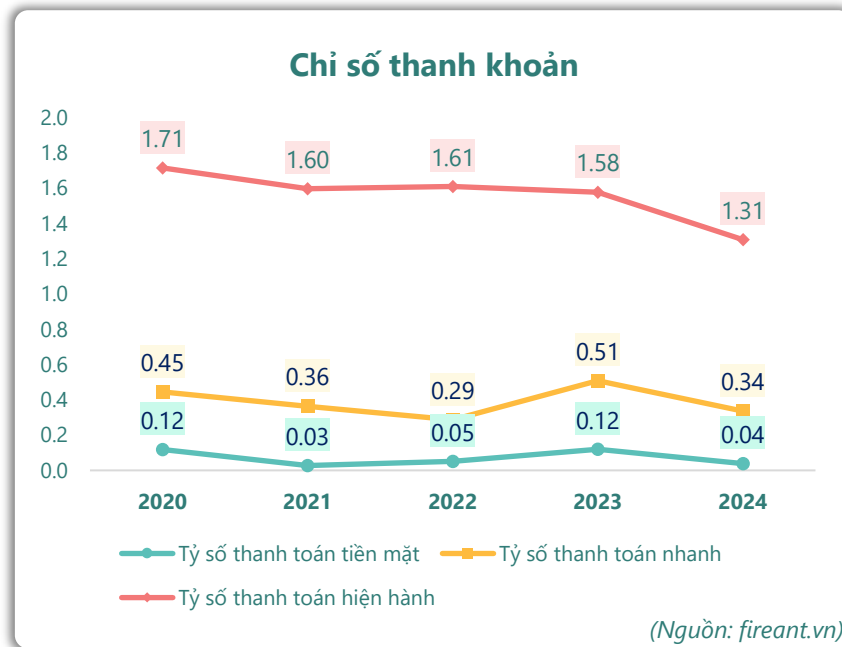
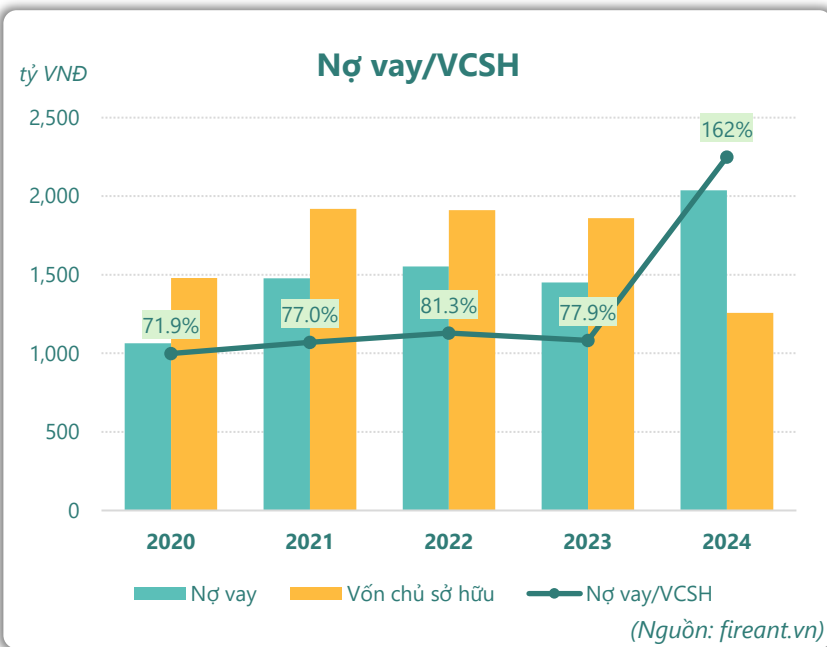
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,189	1,633	-27.2%	4,361	4,528	-3.7%
Giá vốn hàng bán	1,146	1,698	-32.5%	4,212	4,617	-8.8%
Lợi nhuận gộp	42.9	-64.7	166%	149	-88.7	268%
Doanh thu HĐTC	6.61	36.9	-82.1%	21.5	54.6	-60.7%
Chi phí TC	22.5	25.4	-11.3%	81.9	101	-18.6%
Chi phí lãi vay	18.1	21.5	-15.6%	71.8	69.5	3.3%
LN trong công ty LKLD	0.25	-43.3	101%	0.80	-60.6	101%
Chi phí bán hàng	10.5	11.9	-11.4%	39.5	40.4	-2.4%
Chi phí QLDN	9.34	14.5	-35.6%	35.4	40.8	-13.0%
LN thuần từ HĐKD	7.35	-123	106%	14.8	-276	105%
Lợi nhuận khác	0.18	0.15	21.5%	0.39	1.54	-74.4%
LN trước thuế	7.54	-123	106%	15.2	-275	106%
Lợi nhuận sau thuế	7.54	-123	106%	15.8	-275	106%
LNST của CĐ cty mẹ	6.63	-120	106%	14.4	-269	105%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	120	-208	-349	220	447	240
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.89	22.7	11.1	13.8	-10.4	-1.92
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-127	183	327	-252	-423	-298
Tiền đầu kỳ	124	115	113	102	83.5	97.1
Lưu chuyển tiền thuần	-9.36	-1.66	-11.1	-18.6	13.6	-59.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	115	113	102	83.5	97.1	37.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,739	3,932	-30.3%
Tài sản ngắn hạn	2,291	3,464	-33.9%
Tiền và tương đương tiền	37.5	102	-63.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.2	78.9	-7.3%
Phải thu ngắn hạn	422	594	-29.0%
Hàng tồn kho	1,705	2,573	-33.7%
Tài sản ngắn hạn khác	52.9	116	-54.3%
Tài sản dài hạn	449	468	-4.1%
Phải thu dài hạn	14.5	14.4	1.0%
Tài sản cố định	302	320	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.5	17.2	2.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	111	110	0.7%
Tài sản dài hạn khác	3.59	5.44	-34.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,465	2,674	-45.2%
Nợ ngắn hạn	1,440	2,648	-45.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,065	2,038	-47.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	298	389	-23.6%
Nợ dài hạn	25.4	25.5	-0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,274	1,258	1.3%
Vốn chủ sở hữu	1,274	1,258	1.3%
Vốn điều lệ	1,123	1,123	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

